

Số: 868 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 05 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thực hiện bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2570/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn triển khai công tác theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1200/UBND-NLN ngày 02/6/2009 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thực hiện bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 57 /TTr-SNN ngày 25/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thực hiện bộ chỉ số theo dõi, đánh giá nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn nông thôn tỉnh Lào Cai năm 2018, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Chỉ số 1: Tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh chiếm 90%; Tỷ lệ người nghèo sử dụng nước hợp vệ sinh chiếm 83,3%.

2. Chỉ số 2: Tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QC: 02/2009/BYT; mức độ II): 34%.

3. Chỉ số 3: Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu chiếm 85,1%; Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm 72,9%; Tỷ lệ hộ nghèo có nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm 57,4%; Số nhà tiêu HVS tăng thêm trong năm là 6.022 nhà tiêu.

4. Chỉ số 4: Tỷ lệ trường học có nước và nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm 82,9%; Tỷ lệ trường học có nước hợp vệ sinh chiếm 86%; Tỷ lệ trường học có nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm 84,6%.

5. Chỉ số 5: Tỷ lệ trạm y tế có nước và nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm 88,4%; Tỷ lệ trạm y tế có nước hợp vệ sinh chiếm 93,2%; Tỷ lệ trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm 90,4%.

6. Chỉ số 6: Tỷ lệ hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi gia súc hợp vệ sinh chiếm 71,2%.

7. Chỉ số 7: Số người được sử dụng nước theo thực tế từ công trình cấp nước tập trung xây mới, cải tạo, nâng cấp mới trong năm: 19.097 người.

8. Chỉ số 8: Tỷ lệ hiện trạng hoạt động của công trình cấp nước tập trung: Bên vững đạt 28,3%; Trung bình 32,6%; Kém hiệu quả 23,3%; Không hoạt động 15,8%.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan căn cứ kết quả thực hiện Bộ chỉ số tại Điều 1; hàng năm xây dựng kế hoạch giải quyết nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh để thực hiện; tổ chức cập nhật thông tin Bộ chỉ số trên địa bàn tỉnh, báo cáo kết quả UBND tỉnh để xem xét, trình HĐND tỉnh đưa vào Nghị quyết HĐND tỉnh để triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành; các cơ quan Trung ương tại địa phương; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Quốc gia Nước sạch & VSMTNT;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Như Điều 3 QĐ;
- Văn phòng HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chi cục Thủy lợi - Sở NN & PTNT;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Các Chuyên viên;
- Lưu VT, TNMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Dương